

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN:  
ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

*DVT: Đồng*

TT	Chủ sử dụng đất	Diện tích	Bồi thường về đất	Bồi thường về TS, VKT	Bồi thường về cây trồng vật nuôi	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Tổng cộng
	<b>Bản Co En</b>								0
1	Lò Thị Hặc	531,8	21.352.400	0	0	56.871.500	0	0	78.223.900
2	Lò Thị Nguyễn	667,5	293.761.540	166.623.505	78.298.002	12.833.700	0	0	551.516.747
3	Lường Văn Món (Cà Thị Pân)	259,4	205.185.400	55.691.125	7.612.093	0	0	0	268.488.618
4	Lò Văn Pan (Lò Thị Hại)	834,3	36.709.200	0	0	100.116.000	0	0	136.825.200
	<b>Bản Kéo</b>							0	0
5	Lò Văn Hại (Lò Thị Bánh)	623,3	45.609.700	54.165.255	8.496.740	68.496.000	0	0	176.767.695
6	Lò Văn Cu (Lò Thị Sười)	256,5	19.276.900	21.637.170	6.039.176	20.500.800	0	21.465.021	88.919.068
	<b>Bản Hua Ná</b>								0
7	Cà Văn Thân (Lò Thị Hà)	17	13.447.000	16.534.480	6.977.534	0	0	0	36.959.014
8	Cà Văn Thu (Cà Thị Chanh)	335,3	14.753.200	5.959.200	613.470	40.236.000	0	0	61.561.870
9	Cà Văn Đoan (Lường Thị Dương)	81,9	3.603.600	0	0	9.828.000	0	0	13.431.600
10	Cà Văn Đôi (Lò Thị Úc)	232,9	10.247.600	0	0	27.948.000	0	0	38.195.600
11	Cà Văn Sinh (Quàng Thị Ón)	387,7	17.058.800	0	0	46.524.000	0	0	63.582.800
	<b>Tổng</b>	<b>4227,6</b>	<b>681.005.340</b>	<b>320.610.735</b>	<b>108.037.015</b>	<b>383.354.000</b>	<b>-</b>	<b>21.465.021</b>	<b>1.514.472.111</b>

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
<b>Bản Co En</b>														
<b>1</b>	<b>Lò Thị Hặc</b>								<b>78.223.900</b>					
-	<b>CCCD số: 011156000312; SĐT: 0329570133</b>													
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Co En, xã Mường Ảng</b>													
<b>a</b>	<b>Đền bù về đất:</b>					<b>531,8</b>			<b>21.352.400</b>					
	Đất trồng lúa 2 vụ (LUC)	7	6	1	m <sup>2</sup>	78,4	44.000		3.449.600				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00722; do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24/12/1999.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5, 12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất trồng lúa 2 vụ (LUC)	29	6	1	m <sup>2</sup>	88,3	44.000		3.885.200				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00722; do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24/12/1999.	
	Đất trồng lúa 2 vụ (LUC) (có GCNQSD đất lúa 1 vụ LUK)	32	6	1	m <sup>2</sup>	146,2	30.000		4.386.000				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00722; do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24/12/1999.	
	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	33	6	1	m <sup>2</sup>	218,9	44.000		9.631.600				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00722; do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24/12/1999.	
<b>b</b>	<b>Đền bù tài sản, VKT:</b>								<b>0</b>					
<b>c</b>	<b>Đền bù Cây cối, hoa màu:</b>								<b>0</b>					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ khác:</b>					<b>531,8</b>			<b>56.871.500</b>					
	Hỗ trợ chuyên đôi nghề đất trồng lúa 2 vụ (LUC)	7	6	1	m <sup>2</sup>	78,4	40.000	3	9.408.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
	Hỗ trợ chuyên đôi nghề đất trồng lúa 2 vụ (LUC)	29	6	1	m <sup>2</sup>	88,3	40.000	3	10.596.000					
	Hỗ trợ chuyên đôi nghề đất lúa 1 vụ (LUK) (hiện trạng là đất lúa 02 vụ LUC)	32	6	1	m <sup>2</sup>	146,2	29.000	2,5	10.599.500					
	Hỗ trợ chuyên đôi nghề đất trồng lúa 2 vụ (LUC)	33	6	1	m <sup>2</sup>	218,9	40.000	3	26.268.000					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
2	Lò Thị Nguyễn								551.516.747					
-	CCCD số: 011167000305; SĐT: 0393667159													
-	Địa chỉ thường trú: Bản Co En, xã Mường Ảng													
a	<b>Bồi thường về đất</b>					667,5			293.761.540					
	Đất ở nông thôn (ONT+CLN)	52	6	1	m <sup>2</sup>	338,2	831.000		281.044.200				Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 306484, số vào sổ cấp giấy CH 00503, do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 01/22/2013.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất trồng lúa 02 vụ	49	7	1	m <sup>2</sup>	16,5	44.000		726.000				Đất gia đình bà Nguyễn khai hoang năm 1992 sử dụng vào mục đích trồng lúa 2 vụ ổn định từ đó đến nay	
	Đất nuôi trồng thủy sản	51	6	1	m <sup>2</sup>	12,1	36.000		435.600				Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 306484, số vào sổ cấp giấy CH 00503, do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 01/22/2013.	
	Đất trồng cây lâu năm	1	7	1	m <sup>2</sup>	88,6	38.500		3.411.100				Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 237440, số vào sổ cấp giấy CH 00795, do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 15/10/2013.	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	14	7	1	m <sup>2</sup>	212,1	38.400		8.144.640				Đất gia đình bà Nguyễn khai hoang năm 1985 sử dụng vào mục đích đất bằng trồng cây hàng năm ổn định từ đó đến nay	
b	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								166.623.505					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	<b>* Thửa 52</b>													
	Bán mái lợp FibroXM, xà gồ, vì kèo, cột thép, không tường, nền đất, hệ thống điện hoàn chỉnh: 7,5m x 11,8m				m <sup>2</sup>	88,5	657.100		58.153.350				Đơn giá theo quyết định 06	
	<i>Giảm trừ nền bê tông láng xi măng M200</i>				m <sup>2</sup>	88,50	-135500		-11.991.750					
	Bán mái kết cấu cột gỗ tròn D150, thanh giằng mái lợp Fibrô XM, không tường, nền đất: 5m x 4,1m				m <sup>2</sup>	20,5	411.000		8.425.500				Đơn giá theo quyết định 06	
	<i>Giảm trừ nền bê tông láng xi măng M200</i>				m <sup>2</sup>	20,50	-135500		-2.777.750					
	Chuồng lợn móng xây gạch, tường xây 11cm, quét vôi ve, nền láng xi măng, cột kèo tre, mái lợp FibroXM, cửa sắt thung tôn: 9,5m x				m <sup>2</sup>	36,1	743.600		26.843.960				Đơn giá theo quyết định 06	
	Ống nước PVC Ø90: 7m				m	7	38.400		268.800					
	Nhà trệt cột gỗ, tường thưng gỗ, nền láng XM, mái tôn, xà gồ, vì kèo gỗ: 6,4m x 9,4m				m <sup>2</sup>	60,16	905.800		54.492.928				Đơn giá theo quyết định 06	
	Tấm đan BTCT: 2m x 0,8m				m <sup>2</sup>	1,6	267.200		427.520					
	Tường rào lưới B40, tường chắn (cột thép D60 cao 1,2m): 16,5md + 8,5md				md	25	509.694		12.742.350				Đơn gia theo dự toán 1.8	
	Tường rào lưới B40 cọc gỗ, cao 1,8m: 6,9md				md	6,9	292.400		2.017.560				Đơn giá theo quyết định 06	
	Chuồng trâu cột gỗ mái lợp FibroXM nền láng XM: 8,5m x 5,9m				m <sup>2</sup>	50,15	173.400		8.696.010					
	Tường rào thép gai 4 dây cọc tre cao 1,8m: 50md				md	50	47.200		2.360.000					
	Ống thoát nước HDPE Ø90: 12,5m				md	12,5	44.613		557.663					
	Hàng rào tre: 29m				md	29	114.600		3.323.400					
	<b>* thửa 14</b>													
	Tường rào lưới B40 cọc gỗ cao 1,2m: 9,5md				md	9,5	253.691		2.410.065				Đơn gia theo dự toán 1.20	
	Tường rào thép gai 2 dây cọc tre, cao 1,45m: 23md				md	23	29.300		673.900					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>78.298.002</b>					
	<b>* Thửa 52</b>													

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây nhãn trồng năm thứ bảy: 01 cây				Kg	200,27	7.300	70%	1.023.380				70% theo quy định tại điểm d, khoản 2, điều 3 của quyết định 58	
	Cây ôi trồng năm thứ hai: 02 cây				Cây	2	102.700	70%	143.780					
	Cây ôi trồng năm thứ mười: 01 cây				Kg	56,93	15.400	70%	613.715					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân từ 7- <10cm: 03 cây				Cây	3	65.000		195.000					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân từ 3- <5cm: 02 cây				Cây	2	37.000		74.000					
	Cây nhãn trồng năm thứ mười: 02 cây				Kg	357,63	7.300	70%	1.827.464					
	Cây nhãn trồng năm thứ hai: 41 cây				Cây	41	219.200	70%	6.291.040					
	Cây nhãn trồng năm thứ ba: 02 cây				Cây	2	290.600	70%	406.840					
	Cây mít trồng năm thứ nhất: 08 cây				Cây	8	157.600	70%	882.560					
	Cây ôi trồng năm thứ năm: 01 cây				Kg	128,09	15.400	70%	1.380.859					
	Cây trứng gà trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	80.100	70%	56.070					
	Cây mận trồng năm thứ nhất: 05 cây				Cây	5	141.400	70%	494.900					
	Cây xoài trồng năm thứ nhất: 03 cây				Cây	3	197.100	70%	413.910					
	Cây bưởi trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	461.900	70%	323.330					
	Cây nhãn trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	152.100	70%	106.470					
	Mắc khén mới trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	76.000		76.000					
	Cây ôi trồng năm thứ bảy: 03 cây				Kg	298,89	15.000	70%	3.138.316					
	Cây xoài trồng năm thứ bảy: 01 cây				Kg	100,72	5.800	70%	408.913					
	Cây chuối: 35 cây				Kg	361,59	6.200		2.241.827					
	Vườn khoai bon: (50m x 1,5m) + (5m x 2m)				m <sup>2</sup>	122,72	3.200		392.714					
	Cây mít trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	225.800	70%	158.060					
	Cây me trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	164.200	70%	114.940					
	Cây gỗ tạp (cây keo) đường kính thân từ 3- <5cm: 01 cây				Cây	1	37.000		37.000					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân >20cm: 01 cây				Cây	1	160.000		160.000					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân từ 3- <5cm: 01 cây				Cây	1	37.000		37.000					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây me trồng năm thứ tám: 01 cây				Kg	35,05	3.100	70%	76.064					
	Cây ôi trồng năm thứ ba: 05 cây				Kg	782,80	15.400	70%	8.438.584					
	Trầu không đang cho thu hoạch 1 khóm				Khóm	1	153.000		153.000					
	Sản lượng cá: 661,2m2				m <sup>2</sup>	661,20	16.000		10.579.200					
	<b>* Thửa 1</b>													
	Cây nhãn trồng năm thứ năm: 01 cây				Kg	214,58	7.300	70%	1.096.478					
	Cây ôi trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	102.700	70%	71.890					
	Cây mận trồng năm thứ hai: 02 cây				Cây	2	202.900	70%	284.060					
	Cây me trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	122.100	70%	85.470					
	Cây trứng gà trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	122.100	70%	85.470					
	Cây ôi trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	64.200	70%	44.940					
	Cây chanh trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	128.400	70%	89.880					
	Cây mít trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	225.800	70%	158.060					
	Cây nhãn trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	290.600	70%	203.420					
	Cây hoa ban đường kính thân từ 3 <5cm: 01 cây				Cây	1	32.000		32.000					
	Cây mận trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	271.100	70%	189.770					
	Cây bưởi trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	461.900	70%	323.330					
	Cây chuối: 22 cây				Kg	227,28	6.200		1.409.148					
	<b>*Thửa 14</b>													
	Cây chanh leo: 01 cây				Kg	5,59	22.200		124.000					
	Cây bưởi trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	461.900	70%	323.330					
	Cây nhãn trồng năm thứ bảy: 01 cây				kg	200,27	7.300	70%	1.023.380					
	Cây mít trồng năm thứ năm: 01 cây				kg	397,55	10.600	70%	2.949.821					
	Cây bưởi trồng năm thứ năm: 01 cây				kg	358,93	11.000	70%	2.763.776					
	Cây nhãn trồng năm thứ năm: 05 cây				Kg	1072,88	7.300	70%	5.482.391					
	Cây nhãn trồng năm thứ ba: 02 cây				Cây	2	290.600	70%	406.840					
	Cây trứng gà trồng năm thứ sáu: 01 cây				Kg	45,07	3.100	70%	97.796					
	Cây nhãn trồng năm thứ sáu: 01 cây				Kg	207,42	7.300	70%	1.059.929					
	Cây ôi trồng năm thứ ba: 01 cây				Kg	156,56	15.400	70%	1.687.717					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây nhãn trồng năm thứ nhất: 22 cây				Cây	22	152.100	70%	2.342.340					
	Cây ôi trồng năm thứ nhất: 34 cây				Cây	34	64.200	70%	1.527.960					
	Cây ôi trồng năm thứ ba: 04 cây				Kg	626,24	15.400	70%	6.750.867					
	Cây gỗ tạp đường kính thân từ 3-<5cm: 04 cây				Cây	4	37.000		148.000					
	Cây chanh trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	128.400	70%	89.880					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân từ 7-<10cm: 02 cây				Cây	2	65.000		130.000					
	Cây gỗ tạp (cây xoan) đường kính thân >20cm: 01 cây				Cây	1	160.000		160.000					
	Cây chuối: 105 cây				Kg	1084,76	6.200		6.725.481					
	Cây xoài trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	265.200	70%	185.640					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>12.833.700</b>					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	49	7	1	m <sup>2</sup>	16,5	40.000	3	1.980.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất nuôi trồng thủy sản (TSN)	51	6	1	m <sup>2</sup>	12,1	36.000	2,5	1.089.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng cây lâu năm (CLN)	1	7	1	m <sup>2</sup>	88,6	36.000	1	3.189.600					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	14	7	1	m <sup>2</sup>	212,1	31.000	1	6.575.100					
<b>3</b>	<b>Lường Văn Món (Cà Thị Pán)</b>									<b>268.488.618</b>				
-	<b>CCCD số: 011059000199; SĐT: 0963118074</b>													
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Co En, xã Mường Ảng</b>													
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>259,4</b>			<b>205.185.400</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất ONT+CLN	53	6	1	m <sup>2</sup>	259,4	791.000		205.185.400				Đất được nhà nước cấp GCNQSD đất số phát hành BN 306451, số vào sổ cấp giấy CH00492 ngày 01/11/2013 của UBND huyện Mường Ảng.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>55.691.125</b>					
	Bán mái kết cấu cột gỗ tròn D150, thanh giằng mái lợp Fibro XM, không tường, nền đất: 14,2m x 5m				m <sup>2</sup>	71,0	411.000		29.181.000				Đơn giá theo quyết định 06	
	<i>Giảm trừ nền bê tông láng xi măng M200</i>				m <sup>2</sup>	<i>71,0</i>	<i>-134500</i>		<i>-9.549.500</i>					
	Hàng rào tre: 9,4md				md	9,4	114.600		1.077.240					
	Tường rào lưới B40, tường chắn (trụ xây gạch, chất cao 1m): 34,4md				md	34,4	626.317		21.545.305				Đơn giá theo dự toán	
	Trụ cổng đổ bê tông cốt thép, ốp gạch ngoài, trát không sơn: 0,45m x 0,45m x 2,5m				Trụ	1	2.564.900		2.564.900					
	Cánh cổng thép hộp mạ kẽm loại 2x4, 1x2: 2,6m x 2,1m				m <sup>2</sup>	7,46	569.800		4.250.708					
	Bể nước không nắp xây tường 11cm, đáy đổ bê tông không thép: 1m x 1,2m x 1m				m <sup>3</sup>	1,2	1.080.400		1.296.480					
	Sân phơi bằng gạch vỡ láng xi măng: 8,2m x 4,2m				m <sup>2</sup>	34,44	137.200		4.725.168					
	Tấm đan BTCT: 1m x 0,5m				m <sup>2</sup>	0,5	267.200		133.600					
	Ống thoát nước HDPE Ø90: 4md				md	4	38.400		153.600					
	Tấm đan BTCT: 2,6m x 0,45m				m <sup>2</sup>	1,17	267.200		312.624					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>7.612.093</b>					
	Cây hoa sữa đường kính thân 10-<20cm: 01 cây				Cây	1	75.000		75.000					
	Cây hoa sữa đường kính thân 20-<30cm: 01 cây				Cây	1	129.000		129.000					
	Cây ban đường kính thân 5-<10cm: 01 cây				Cây	1	54.000		54.000					
	Cây bưởi trồng năm thứ hai: 02 cây				Cây	2	391.100	70%	547.540					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây nhãn trồng năm thứ năm: 02 cây				Kg	429,15	7.300	70%	2.192.957					
	Cây nhãn trồng năm thứ hai mươi: 01 cây				Kg	107,29	7.300	70%	548.239					
	Cây nhãn trồng năm thứ ba: 05 cây				Cây	5	290.600	70%	1.017.100					
	Cây đào trồng năm thứ năm: 01 cây				Kg	157,89	10.800	70%	1.193.648					
	Cây sung cảnh trồng đất cao >3m: 01 cây				Cây	1	290.000		290.000					
	Cây ôi trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	64.200	70%	44.940					
	Cây bưởi trồng năm thứ ba: 01 cây				Cây	1	461.900	70%	323.330					
	Cây gấc: 2m x 2,5m				kg	4,075	4.500		18.338					
	Cây chuối: 01 cây				Kg	10,33	6.200		64.052					
	Cây vải trồng năm thứ hai mươi: 01 cây				Kg	141,83	7.300	70%	724.726					
	Cây chanh trồng năm thứ ba: 01 cây				cây	1	237.800	70%	166.460					
	Cây gỗ tạp đường kính thân từ 3-<5cm: 01 cây				Cây	1	37.000		37.000					
	Vườn rau: 2m x 2m				Kg	7,93	3.500		27.763					
	Vườn hoa khác: 05 cây				Cây	5	1.000		5.000					
	Cây tràu không đang cho thu hoạch				Khóm	1	153.000		153.000					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>0</b>					
<b>4</b>	<b>Lò Văn Pan (Lò Thị Hại)</b>								<b>136.825.200</b>					
-	<b>CCCD số: 011059000406 ; SĐT: 0329118914</b>													
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Co En, xã Mường Ảng</b>													
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>834,3</b>			<b>36.709.200</b>					
	Đất trồng lúa 02 vụ (LUC)	21	7	1	m <sup>2</sup>	16	44.000		704.000				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00723; do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24 tháng 12 năm 1999.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất trồng lúa 02 vụ (LUC)	23	7	1	m <sup>2</sup>	228,6	44.000		10.058.400					
	Đất trồng lúa 02 vụ (LUC)	31	7	1	m <sup>2</sup>	65,4	44.000		2.877.600					
	Đất trồng lúa 02 vụ (LUC)	32	7	1	m <sup>2</sup>	242,2	44.000		10.656.800					
	Đất trồng lúa 02 vụ (LUC)	34	7	1	m <sup>2</sup>	282,1	44.000		12.412.400					
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>													
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>0</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường	
										Mức thu	Số tiền				
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>									<b>100.116.000</b>					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng lúa 2 vụ	21	7	1	m <sup>2</sup>	16	40.000	3	1.920.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng lúa 2 vụ	23	7	1	m <sup>2</sup>	228,6	40.000	3	27.432.000						
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng lúa 2 vụ	31	7	1	m <sup>2</sup>	65,4	40.000	3	7.848.000						
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng lúa 2 vụ	32	7	1	m <sup>2</sup>	242,2	40.000	3	29.064.000						
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng lúa 2 vụ	34	7	1	m <sup>2</sup>	282,1	40.000	3	33.852.000						
	<b>Bản Kéo</b>														
<b>5</b>	<b>Lò Văn Hại (Lò Thị Bánh)</b>									<b>176.767.695</b>					
-	<b>CCCD số: 11045003598; SDT: 0394483053</b>														
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Kéo, xã Mường Ảng</b>														
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>623,3</b>			<b>45.609.700</b>						
	Đất ở nông thôn (ONT)	17	5	1	m <sup>2</sup>	25,5	791.000		20.170.500				Đất ông Lò Văn Hại được cấp GCNQSD đất số phát hành BN 306098, số vào sổ cấp GCN CH00107 do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 03/02/2013		
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	68	4	1	m <sup>2</sup>	55,7	44.000		2.450.800				Do gia đình ông Lò Văn Hại tự khai hoang từ năm 1978, sử dụng làm đất ruộng ổn định từ đó đến nay, tại thời điểm xác minh nguồn gốc sử dụng đất không có tranh chấp		

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	78	4	1	m <sup>2</sup>	107,8	44.000		4.743.200				Do gia đình ông Lò Văn Hại tự khai hoang từ năm 1978, sử dụng làm đất ruộng ổn định từ đó đến nay, tại thời điểm xác minh nguồn gốc sử dụng đất không có tranh chấp.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	79	4	1	m <sup>2</sup>	182,2	44.000		8.016.800				Do gia đình ông Lò Văn Hại tự khai hoang từ năm 1978, sử dụng làm đất ruộng ổn định từ đó đến nay, tại thời điểm xác minh nguồn gốc sử dụng đất không có tranh chấp.	
	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	21	5	1	m <sup>2</sup>	108	36.000		3.888.000				Thửa đất do gia đình ông Lò Văn Hại khai hoang từ năm 1982 sử dụng làm đất ao, ổn định từ đó đến nay, tại thời điểm xác minh nguồn gốc sử dụng đất không có tranh chấp.	
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	45	5	1	m <sup>2</sup>	144,1	44.000		6.340.400				Đất được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp giấy 00502, do UBND huyện Tuần giáo cấp ngày 24/12/1999.	
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>54.165.255</b>					
	<b>* Thửa 79, tờ bản đồ 4</b>								<b>6.188.400</b>					
	Hàng rào tre: 54md				md	54	114.600		6.188.400					
	<b>* Thửa 17, tờ bản đồ 5</b>								<b>47.976.855</b>					
	Bếp xây gạch tường 11cm, lợp tôn thường, nền lát xi măng: 2,4m x 3,6m				m <sup>2</sup>	8,64	721.560		6.234.278				Đơn gia theo dự toán 3.1	
	Tường rào B40 trụ xây gạch cao 1,2m: 4,5md				md	4,5	527.499		2.373.746				Đơn gia theo dự toán 1.2	
	Bán mái tôn thường, xà gỗ, vì kèo, cột thép, nền lát gạch gốm, hệ thống điện hoàn chỉnh: 7,9m x 2m				m <sup>2</sup>	15,8	657.100		10.382.180					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Giảm trừ nền bê tông xi măng M200				m <sup>2</sup>	15,8	- 134.500		-2.125.100					
	Nền lát gạch gốm				m <sup>2</sup>	15,8	185.700		2.934.060					
	Bán mái lợp Fibro Xi măng, xà gỗ, vì kèo, cột sắt, nền láng xi măng, hệ thống điện hoàn chỉnh: 7,9m x 4m				m <sup>2</sup>	31,6	613.700		19.392.920					
	Giảm trừ nền bê tông xi măng M200				m <sup>2</sup>	31,6	-134500		-4.250.200					
	Nền láng xi măng dày 2cm				m <sup>2</sup>	31,6	137.200		4.335.520					
	Tường xây gạch không nung, không chất 11cm: 2,6md +1,9md + 2,1md				md	6,6	826.775		5.456.715				Đơn gia theo dự toán 2.3	
	Tấm đan BTCT: 1,9m x 1,6m; 1,7m x 0,55m				m <sup>2</sup>	3,98	267.200		1.062.120					
	Cánh công thép hộp mạ kẽm 2x4: 1,9m x 1,8m				m <sup>2</sup>	3,42	569.800		1.948.716					
	Ống thoát nước PVC Ø 110: 3m				m	3	54.300		162.900					
	Ống thoát nước PVC Ø 60: 3m				m	3	23.000		69.000					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>8.496.740</b>					
	<b>* Thửa 79, tờ bản đồ 4</b>								<b>600.000</b>					
	Cây xoan đường kính thân > 20 cm: 02 cây				Cây	2	160.000		320.000					
	Cây xoan Đường kính thân 1 -< 3cm: 10 cây				Cây	10	28.000		280.000					
	<b>* Thửa 17, tờ bản đồ 5</b>								<b>179.940</b>					
	Cây cà phê bầu 6-< 10cm: 150 bầu				Bầu	150	900		135.000					
	Cây ôi trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	64.200	70%	44.940					
	<b>* Thửa 21, tờ bản đồ 5</b>								<b>7.716.800</b>					
	Sản lượng cá				m <sup>2</sup>	482,3	16.000		7.716.800					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>68.496.000</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ắng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	68	4	1	m <sup>2</sup>	55,7	40.000	3	6.684.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	78	4	1	m <sup>2</sup>	107,8	40.000	3	12.936.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	79	4	1	m <sup>2</sup>	182,2	40.000	3	21.864.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	45	5	1	m <sup>2</sup>	144,1	40.000	3	17.292.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	21	5	1	m <sup>2</sup>	108	36.000	2,5	9.720.000					
<b>6</b>	<b>Lò Văn Cu (Lò Thị Sươi)</b>								<b>88.919.068</b>					
-	<b>CCCD số: 011074003912; SĐT: 0869298295</b>													
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Kéo, xã Ắng Cang, huyện Mường Ắng</b>													
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>256,5</b>			<b>19.276.900</b>					
	Đất ONT + CLN	25	5	1	m <sup>2</sup>	10,9	831.000		9.057.900				Đất được cấp GCNQSD đất số phát hành DB 521194, số vào sổ cấp GCN CH01982 do UBND huyện Mường Ắng cấp ngày 30/7/2021	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
					m <sup>2</sup>	106,8	38.500		4.111.800					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	71	4	1	m <sup>2</sup>	55,4	44.000		2.437.600					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁNH ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	75	4	1	m <sup>2</sup>	83,4	44.000		3.669.600				Đất ông Lò Văn Cu khai hoang năm 1987, sử dụng trồng lúa ổn định từ đó đến nay; Tại thời điểm xác minh nguồn gốc đất không có tranh chấp	
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>21.637.170</b>					
	<b>Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5</b>													
	Nhà khung cột gỗ; tương trát tóc xi; xà gỗ vì kèo gỗ, lợp Fibro XM, nền láng xi măng, hệ thống điện hoàn chỉnh: 5m x 6,5m				m <sup>2</sup>	32,5			0				Đơn giá theo quyết định 06	Cắt giảm do tài sản xây dựng trên phần nông nghiệp chuyển sang phần Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 1061/UBND-KT ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Mường
	Bán mái, cột tre D150, thanh giằng tre, mái lợp fibrôximăng, không tường, nền láng xi măng: 4m x 3,3m; 2,4m x 3,4m				m <sup>2</sup>	21,36			0					
	Giảm trừ nền bê tông láng xi măng M200				m <sup>2</sup>	21,36			0					
	Nền láng xi măng dày 2cm				m <sup>2</sup>	21,36			0					
	Chuồng trâu cột tre, giằng tre, lợp Fibro XM, nền láng xi măng: 8m x 4,4m				m <sup>2</sup>	35,2	173.400		6.103.680					
	Tường xây gạch không nung 11cm, không chất: 15,6mđ				m <sup>2</sup>	15,6	826.775		12.897.690					
	Hàng rào tre 23m				md	23,0	114.600		2.635.800					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>6.039.176</b>					
	<b>Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5</b>													
	Cây đu đủ: 15 cây				Kg	164,43	6.600		1.085.205					
	Cây mía: 7 cây				Kg	4,50	2.300		10.345					
	Cây nhãn trồng năm thứ nhất: 15 cây				Cây	15	152.100	70%	1.597.050					
	Cây chanh trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	128.400	70%	89.880					
	Cây cà phê trồng năm thứ nhất: 01 cây				Cây	1	20.400	70%	14.280					
	Cây mận trồng năm thứ nhất: 03 cây				Cây	3	141.400	70%	296.940					
	Sả: 6m x 0,4m				Kg	2,47	4.400		10.878					
	Cây nhãn trồng năm thứ ba: 02 cây				Cây	2	290.600	70%	406.840					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Cây keo đường kính thân 1-<3cm: 2 cây				cây	2	28.000		56.000					
	Cây mận trồng năm thứ ba: 01 cây				cây	1	271.100	70%	189.770					
	Cây mắc ca trồng năm thứ hai: 01 cây				Cây	1	282.000		282.000					
	Cây sấu đường kính thân 5-<10cm: 01 cây				cây	1	54.000		54.000					
	Cây xoan đường kính thân 7-<10cm: 01 cây				cây	1	65.000		65.000					
	Cây mít trồng năm thứ ba: 01 cây				cây	1	297.200	70%	208.040					
	Cây nhãn trồng năm thứ 5: 01 cây				Kg	214,575	7.300	70%	1.096.478					
	Cây chuối: 9 cây				Kg	92,98	6.200		576.470					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>20.500.800</b>					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	71	4	1	m <sup>2</sup>	55,4	40.000	3	6.648.000				Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	75	4	1	m <sup>2</sup>	83,4	40.000	3	10.008.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề đất trồng cây lâu năm (CLN)	25	5	1	m <sup>2</sup>	106,8	36.000	1	3.844.800					
<b>e</b>	<b>Hỗ trợ khác</b>								<b>21.465.021</b>					
	Nhà khung cột gỗ; tương trát tóc xi; xà gỗ vì kèo gỗ, lợp Fibro XM, nền láng xi măng, hệ thống điện hoàn chỉnh: 5m x 6,5m				m <sup>2</sup>	32,5	770.600	70%	17.531.150				Hỗ trợ khác theo Quyết định số 1061/UBND-KT ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng	
	Bán mái, cột tre D150, thanh giằng tre, mái lợp fibrôximăng, không tường, nền láng xi măng: 4m x 3,3m; 2,4m x 3,4m				m <sup>2</sup>	21,36	260.400	70%	3.893.501					
	Giảm trừ nền bê tông láng xi măng M200				m <sup>2</sup>	21,36	-134.500	70%	-2.011.044					
	Nền láng xi măng dày 2cm				m <sup>2</sup>	21,36	137.200	70%	2.051.414					
	<b>Bản Hua Ná</b>													
<b>7</b>	<b>Cà Văn Thân (Lò Thị Hà)</b>								<b>36.959.014</b>					
-	<b>CCCD số: 011080000515 ; SĐT: 0339638864</b>													
-	<b>Địa chỉ thường trú: Bản Hua Ná, xã Mường Ảng</b>													
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>17</b>			<b>13.447.000</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất ở nông thôn	13	7	1	m <sup>2</sup>	17	791.000		13.447.000				Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất, số phát hành BN 615497, Số vào sổ cấp GCN CH 01361; do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2013	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>16.534.480</b>					
	Chuồng lợn khung cột gỗ, xà gỗ gỗ, thưng gỗ, lợp Fibro xi măng, nền lán xi măng: 2,9m x 2,6m				m <sup>2</sup>	7,54	232.000		1.749.280					
	Kè xếp đá khan: 15,3md				md	15,3	961.500		14.710.950					
	Ống nước HDPE phi 20: 10md				md	10	7.425		74.250					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>6.977.534</b>					
	Xoan đường kính thân < 20cm: 2 cây				Cây	2	125.000		250.000					
	Nhãn trồng năm thứ 4: 01 cây				Cây	222	7.300	70%	1.133.028					
	Lát đường kính thân < 3cm: 01 cây				Cây	1	28.000		28.000					
	Ổi trồng năm thứ bảy: 03 cây				Kg	298,89	15.400	70%	3.222.005					
	Nhãn trồng năm thứ ba: 02 cây				Cây	2	290.600	70%	406.840					
	Nhãn trồng năm thứ mười: 01 cây				kg	179	7.300	70%	913.732					
	Xoan đường kính thân 7-< 10cm: 3 cây				cây	3	65.000		195.000					
	Ổi trồng năm thứ hai: 03 cây				Cây	3	102.700	70%	215.670					
	Ổi trồng năm thứ ba: 03 cây				Cây	3	290.600	70%	610.260					Bổ sung phương án do đơn vị trình thiếu so với biên bản kiểm tra, kê khai của gia đình
	Hoa trồng đất: 03 cây				Cây	3	1.000		3.000					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>0</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
8	Cà Văn Thu (Cà Thị Chanh)								61.561.870					
-	CCCD số: 011074000411 ; SDT: 0388926833													
-	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Ná, xã Mường Ảng													
a	Bồi thường về đất					335,3			14.753.200					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	51	7	1	m <sup>2</sup>	86	44.000		3.784.000				Thửa đất do gia đình tự cải tạo lại từ năm 2001 sử dụng trồng lúa hai vụ, ổn định từ đó đến nay, đất không có tranh chấp	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	52	7	1	m <sup>2</sup>	249,3	44.000		10.969.200				Thửa đất do gia đình tự cải tạo lại từ năm 2001 sử dụng trồng lúa hai vụ, ổn định từ đó đến nay, đất không có tranh chấp	
b	Bồi thường về tài sản VKT								5.959.200					
	Thửa 52 TBD 7													
	Hàng rào tre: 52md				md	52	114.600		5.959.200					
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								613.470					
	Thửa 51 TBD 7													
	Gỗ tạp đường kính thân 3-<5cm: 1 cây				Cây	1	37.000		37.000					
	Chuối: 9 cây				Kg	92,979	6.200		576.470					
d	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm								40.236.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	51	7	1	m <sup>2</sup>	86	40.000	3	10.320.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	52	7	1	m <sup>2</sup>	249,3	40.000	3	29.916.000					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
9	Cà Văn Đoàn (Lường Thị Dương)								13.431.600					
-	CCCD số: 011076000493 ; SĐT: 0364420300													
-	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Ná, xã Mường Ảng													
a	Bồi thường về đất					81,9			3.603.600					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	50	7	1	m <sup>2</sup>	81,9	44.000		3.603.600				Thửa đất do gia đình tự cải tạo lại từ năm 2001 sử dụng trồng lúa hai vụ, ổn định từ đó đến nay, đất không có tranh chấp	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5, 12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
b	Bồi thường về tài sản VKT								0					
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								0					
d	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm								9.828.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	50	7	1	m <sup>2</sup>	81,9	40.000	3	9.828.000					Áp dụng theo Khoản 3, Điều 2, NĐ 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
10	Cà Văn Đồi (Lù Thị Úc)								38.195.600					
-	CCCD số: 011068000337 ; SĐT: 0972384494													
-	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Ná, xã Mường Ảng													
a	Bồi thường về đất					232,9			10.247.600					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	55	7	1	m <sup>2</sup>	33,4	44.000		1.469.600				Thửa đất được cấp GCNQSD	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	57	7	1	m <sup>2</sup>	39,2	44.000		1.724.800				đất số phát hành O/795094, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00598 của UBND huyện Tuần Giáo năm 1999.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5, 12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	59	7	1	m <sup>2</sup>	50,6	44.000		2.226.400					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	60	7	1	m <sup>2</sup>	62,2	44.000		2.736.800			Thửa đất do gia đình tự cải tạo lại từ năm 2002 sử dụng trồng lúa hai vụ, ổn định từ đó đến nay, đất không có tranh chấp		
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	61	7	1	m <sup>2</sup>	47,5	44.000		2.090.000			Thửa đất được cấp GCNQSDĐ đất số phát hành O/795094, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00598 của UBND huyện Tuần Giáo năm 1999.		
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>0</b>					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>0</b>					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>27.948.000</b>					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	55	7	1	m <sup>2</sup>	33,4	40.000	3	4.008.000				Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/ND-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	57	7	1	m <sup>2</sup>	39,2	40.000	3	4.704.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	59	7	1	m <sup>2</sup>	50,6	40.000	3	6.072.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	60	7	1	m <sup>2</sup>	62,2	40.000	3	7.464.000					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	61	7	1	m <sup>2</sup>	47,5	40.000	3	5.700.000					
<b>11</b>	<b>Cà Văn Sinh (Quàng Thị Ôn)</b>								<b>63.582.800</b>					

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẮNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ảng)*

Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài chính (nếu có)		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc sử dụng đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
-	CCCD số: 0110510000111 ; SĐT: 0364420300													
-	Địa chỉ thường trú: Bản Hua Ná, xã Mường Ảng													
a	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>387,7</b>			<b>17.058.800</b>					
	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	42	7	1	m <sup>2</sup>	387,7	44.000		17.058.800				Thửa đất được cấp GCNQSD đất vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00610 do UBND huyện Tuần Giáo cấp ngày 24 tháng 12 năm 1999.	Bồi thường về đất theo quy định tại Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; Điều 5,12 nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
b	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>0</b>					
c	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>0</b>					
d	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>								<b>46.524.000</b>					
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	42	7	1	m <sup>2</sup>	387,7	40.000	3	46.524.000					Áp dụng theo khoản 5, Điều 2, NĐ 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025, Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 và QĐ 55/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên
	<b>Tổng</b>					<b>4.227,6</b>			<b>1.514.472.111</b>					

**PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QL.279 ĐI BẢN MÁN ĐANH, XÃ ẰNG CANG, HUYỆN MƯỜNG ẰNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Mường Ằng)*

Stt	Họ và tên	Đôi tượng	Điểm TĐC	Diện tích đất ở đủ ĐK BT (m2)	Diện tích đất NN bị thu hồi (m2)	Tổng số nhân khẩu	Số khẩu được Hỗ Trợ	Tổng diện tích đất NN đang quản lý sử dụng	Tỷ lệ % đất NN bị thu hồi	Hỗ trợ đời sống				Hỗ trợ nơi ở tạm				TỔNG CỘNG
										(tháng)	Mức hỗ trợ	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (tháng)	Đơn giá	Thành tiền	
1	Lò Thị Hặc	NN			531,8	0	0	5642	9%	6	30	0,0	0	0	0	0	0	-
2	Lò Thị Nguyễn	NN			667,50	4	4	45762,1	1%	0	0	0,0	0	0	0	0	0	-
3	Lường Văn Món (Cà Thị Pán)	ONT				0	0	0	0%	0	0	0	0	0	0	0	0	-
4	Lò Văn Pan (Lò Thị Hại)	NN			597,60	9	9	20263,2	3%	0	0	0	0	0	0	0	0	-
5	Lò Văn Hại (Lò Thị Bánh)	NN			597,8	6	6	20.013,7	3%	0	0	0	0	0	0	0	0	-
6	Lò Văn Cu (Lò Thị Sười)	NN			245,6	2	2	26.754,0	1%	0	0	0	0					-
7	Cà Văn Thân (Lò Thị Hà)	ONT			0,00	0	0	-	0%	0	0	0	0	0	0	0	0	-
8	Cà Văn Thu (Cà Thị Chanh)	NN			335,3	4	4	2.952	0%	0	0		-	0	0	0	0	
9	Cà Văn Đoan (Lường Thị Dương)	NN			81,90	7	7	8.025,4	0%	0	0	-	-	0	0	0	0	-
10	Cà Văn Đồi (Lò Thị Úc)	NN			232,90	4	4	3.972,7	6%	0	0	-	-	0	0	0	0	-
11	Cà Văn Sinh (Quàng Thị Ôn)	NN			387,70	7	7	9.226,8	4%	0	0	-	-	0	0	0	0	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>NN</b>											<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>